

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2023/HS-PT

Ngày 18/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 364/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023. Do có kháng cáo của bị cáo Võ Minh S, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S1 và bà Trần Thị T1; Vợ: Trần Thị H (đã ly hôn), có 02 người con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/6/2022 đến ngày 01/7/2022 chuyển tạm giam (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Thị H1, Đoàn Luật sư Thành phố H (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người bị hại không kháng cáo: Ông Huỳnh Kiến T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: 1, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Vào đầu năm 2020, sau khi ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái với các chủ xe tại huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Văn T xem trên mạng xã hội thấy đăng thông tin quảng cáo làm giả giấy tờ nên T liên hệ với người làm giấy giả và cung cấp thông tin tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, biển số xe, số khung, số máy của từng xe cho người làm giả qua Z để làm giả 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm:

01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu City, biển số 62A- 154.87, số giấy 031217 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 20/9/2019.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Chevrolet, biển số 62C-096.93, số giấy 015816 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 17/8/2017.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 62A-123.57, số giấy 025555 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 08/01/2019.

Khoảng hai tuần sau khi gửi thông tin thì có giấy giả. Sau đó, người làm giấy giả liên hệ với T qua Z để giao giấy giả, 03 lần giao hàng ở 03 địa điểm khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, người giao là nhân viên giao hàng 03 lần thì 03 người giao khác nhau. Khi giao hàng thì giấy đăng ký xe giả được bỏ vô phong bì dán lại Triều nhận giấy kiểm tra xem đúng thông tin đã cung cấp rồi trả tiền cho người giao hàng với số tiền 3.000.000đồng một giấy. Đối với 01 giấy mua bán xe ô tô biển số 62A-138.44 của bà Võ Thị D là do T nhờ một người bạn nữ viết dùm và ký tên D, còn chữ ký của người mua là T ký và lăn tay ở dưới.

Từ ngày 08/5/2020 đến ngày 19/5/2020, T thông qua mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1976, cư trú tại số B khu phố A, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ ông L giới thiệu chỗ cầm xe và được ông L giới thiệu đến tiệm cầm đồ Sáu L1, địa chỉ số A, khu phố A, Thạnh Trị H2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre của ông Huỳnh Kiến T2, sinh năm 1981, cư trú tại số A, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Triều đã mang bốn xe ô tô trên cùng với ba giấy đăng ký xe giả mà bị cáo đặt làm trước đó mang tên Nguyễn Văn T và một giấy xe tên Võ Thị D kèm theo giấy mua bán xe đến tiệm C để cầm cố 04 xe ô tô chiếm đoạt của ông T2 tổng số tiền 1.050.000.000đồng cụ thể:

Ngày 18/4/2020, Nguyễn Văn T thuê xe ô tô biển số 62A-154.87 của ông Phạm Văn M, sinh năm 1971, cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An khi xe đang gửi tại cửa hàng D1 người đại diện Nguyễn Hoàng S2. Ngày 08/5/2020, T đem xe cùng giấy đăng ký xe giả đến tiệm C cầm số tiền 250.000.000đồng.

Ngày 22/4/2020, Nguyễn Văn T thuê xe ô tô biển số 62C-096.93 của ông Phạm Văn H3, sinh năm 1967, cư trú tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 08/5/2020, T đem xe cùng giấy đăng ký xe giả đến tiệm C cầm số tiền 350.000.000đồng.

Ngày 19/5/2020, T thuê xe ô tô biển số 62A-123.57 của bà Nguyễn Phạm Như Ý, sinh năm 1996, cư trú tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 19/5/2020, T đem xe cùng giấy đăng ký xe giả đến tiệm C cầm số tiền 250.000.000đồng.

Ngày 13/7/2020, T thuê xe ô tô biển số 62A-138.44 của bà Võ Thị D, sinh năm 1971, cư trú tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thông qua quen biết với em ruột của bà D tên Võ Văn T3, sinh năm 1977, cư trú tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. T đem xe này thay thế cho xe biển số 62A-073.07 đã cầm vào ngày 11/5/2020 nên anh T2 vẫn ghi ngày 11/5/2020 chỉ thay thế biển số xe, số tiền 200.000.000đồng

Vật chứng thu giữ:

01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu City, biển số 62A-154.87, số giấy 031217 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 20/9/2019.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Chevrolet, biển số 62C-096.93, số giấy 015816 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 17/8/2017.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 62A-123.57, số giấy 025555 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 08/01/2019.

01 giấy mua bán xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 62A-138.44 giữa Võ Thị D và Nguyễn Văn T.

01 hợp đồng thuê xe giữa Nguyễn Hoàng S2 và Nguyễn Văn T, xe ô tô hiệu Honda, biển số 62A-154.87 ngày 18/4/2020.

01 hợp đồng thuê xe du lịch giữa Phạm Văn H3 và Nguyễn Văn T, xe bán tải hiệu Chevrolet, biển số 62C-096.93 ngày 22/4/2020.

01 hợp đồng thuê xe tự lái giữa Nguyễn Phạm Như Ý và Nguyễn Văn T, xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 62A-123.57 ngày 19/5/2020.

01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu L1, người cầm Nguyễn Văn T, tài sản cầm xe 62C-096.93, số tiền cầm 350.000.000đồng, ngày cầm 08/5/2020.

01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu L1, người cầm Nguyễn Văn T, tài sản cầm xe 62A-154.87, số tiền cầm 250.000.000đồng, ngày cầm 08/5/2020.

01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu L1, người cầm Nguyễn Văn T, tài sản cầm xe ô tô 62A-138.44 , số tiền cầm 200.000.000 đồng, ngày cầm 11/5/2020.

01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu L1, người cầm Nguyễn Văn T, tài sản cầm xe ô tô 62A-123.57, số tiền cầm 250.000.000 đồng, ngày cầm 19/5/2020.

Tất cả các vật chứng, tài liệu trên đều được thu thập trong hồ sơ vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra ngày 22/4/2020 tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long

An do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thụ lý điều tra và cung cấp tài liệu (bản photo).

Tại Bản kết luận giám định tài liệu số 946/2020/KLGĐ ngày 12/10/2020 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 025555 (ký hiệu A) là giả. (BL 157, 165)

Tại Bản kết luận giám định tài liệu số 947/2020/KLGĐ ngày 14/10/2020 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 031217 (ký hiệu A) là giả. (BL 177)

Tại Bản kết luận giám định tài liệu số 951/2020/KLGĐ ngày 15/10/2020 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 015816 (ký hiệu A) là giả. (BL 163, 171)

Tại Bản kết luận giám định dấu vân tay số 278/2021/KLGĐ ngày 13/4/2021 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: (BL 185)

Dấu vân tay in trên tờ giấy tập học sinh ghi nội dung: “Cộng HòaNguyễn Văn T” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1), dấu vân tay in trên “Hợp đồng thuê xe tự lái” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A3), dấu vân tay in trên “Hợp đồng cho thuê xe du lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A5) với dấu vân tay mẫu so sánh in ở ô “ngón trỏ trái” trên tờ “Chỉ bản” ghi họ tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, nơi ĐKTT: Ấp C, M, T, Long An (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M) là do cùng một người in ra.

Dấu vân tay in trên tờ giấy tập học sinh ghi nội dung: “Cộng Hòa..... Nguyễn Văn T” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2), dấu vân tay in trên “Hợp đồng thuê xe tự lái” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A4), dấu vân tay in trên “Hợp đồng cho thuê xe du lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A6) với dấu vân tay mẫu so sánh in ở ô “ngón trỏ phải” trên tờ “Chỉ bản” ghi họ tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, nơi ĐKTT: Ấp C, M, T, Long An (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M) là do cùng một người in ra.

Tại Bản kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 386/2021/KLGĐ ngày 17/4/2021 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký và chữ viết “Nguyễn Văn T” bằng bút bi màu xanh: Ở mục “Bên thuê” trên tờ “Hợp đồng thuê xe” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1) và tờ “Hợp đồng thuê xe tự lái” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A8), ở mục “Đại diện bên B” trên tờ “Hợp đồng cho thuê xe du lịch” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2) và ở mục “Người mua” trên tờ giấy mua bán xe (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A3); chữ ký và chữ viết “Nguyễn Văn T” qua giấy than màu xanh, ở mục “Khách hàng (Bên B)” trên 05 tờ “Biên nhận hợp đồng cầm đồ” đóng dấu TLCGD, ký hiệu A4, A5, A6, A7 và A9) là do cùng một người ký và viết ra.

04 (bốn) xe ô tô biển số lần lượt là 62A-154.87, 62C-096.93, 62A-123.57 và 62A-138.44. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ tại tiệm cầm

đồ Sáu Lai, hiện tại đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp và trả lại những tài sản này cho chủ sở hữu. Các vật chứng còn lại tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án đảm bảo quá trình xét xử.

Đối với xe ô tô biển số 62A-138.44 của bà Võ Thị D, T nhờ một người bạn nữ viết dùm và ký tên D, còn chữ ký của người mua là T ký và lăn tay ở dưới, T không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể không thể xác minh làm việc được.

Đối với người mà Triều liên hệ làm giả tài liệu, không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, chỉ liên hệ qua mạng xã hội, không thể xác minh làm việc được.

Riêng hành vi của T thuê các xe ô tô biển số 62A-154.87, 62C-096.93, 62A-123.57, 62A-138.44 đem cầm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 13/02/2023, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, có nội dung: Truy tố Nguyễn Văn T về các tội sau “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đã tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 13 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2/ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.3/ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.4/ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt chung cho ba tội là 19 năm tù. Thời hạn tù được tính từ 28/6/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến tang vật, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm bồi thường dân sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Xin được xem xét lại mức án sơ thẩm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ăn năn hối hận, xin giảm nhẹ mức án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ câu kháng cáo cho rằng, bản án sơ thẩm quá nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối hận. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và thời gian kháng cáo ở cấp phúc thẩm bị cáo đã bồi thường thêm số tiền 200.000.000 đồng cho phía bị hại, xin được xem xét giảm nhẹ mức án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm cho rằng; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trong đó có các hành vi chiếm đoạt 4 chiếc xe ô tô mà các bị cáo đã thuê. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày cơ quan điều tra vẫn đang tiếp tục điều tra giải quyết đối với hành vi chiếm đoạt 4 chiếc xe này.

Viện kiểm sát xét thấy, cùng một hành vi mà xét xử và giải quyết nhiều lần là chưa thỏa đáng, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Ngoài ra ở phiên tòa ngày 30/8/2023 đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, cũng phát biểu quan điểm xác định đối với hành vi làm giả tài liệu, giấy chứng nhận của cơ quan tổ chức, hành vi này là một chuỗi hành vi để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Viện kiểm sát đề nghị không xem xét đối với hành vi làm giả giấy chứng nhận, tài liệu là tội phạm. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe bị cáo trình bày, nghe Đại diện Viện kiểm sát và luật sư phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

[2.1] Do cần tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân, nên vào đầu năm 2020, thông qua mạng xã hội, Nguyễn Văn T đã cung cấp thông tin làm giả 3 lần với 3 tài liệu của cơ quan nhà nước, và nhờ một người bạn nữ viết một giấy mua bán xe giả gồm:

Một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu City biển số 62A-15487, giấy số 031217 do Nguyễn Văn T đứng tên do Công an tỉnh L cấp vào ngày 20/9/2019; Một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Chevrolet biển số 62C-09693, giấy số 015816 do Nguyễn Văn T đứng tên, Công an tỉnh L cấp ngày 17/8/2017; Một giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 62A-12357 giấy số 025555 do Nguyễn Văn T đứng tên, do Công an tỉnh L cấp vào ngày 08/01/2019 và nhờ một người viết giấy mua bán xe ô tô biển số 62A-13844 giả.

Sau khi nhận được các tài liệu giả trên, T đã sử dụng các giấy giả cùng 4 chiếc xe nêu trên đem đến tiệm C do ông Huỳnh Kiệt T4 làm chủ để cầm cố 4 chiếc xe rồi chiếm đoạt số tiền cầm cố của ông T4 là 1.050.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã làm giả giấy tờ rồi dùng giấy tờ giả đó để lừa đảo trong việc cầm cố xe rồi chiếm đoạt tiền của chủ tiệm cầm đồ là ông Huỳnh Kiệt T4, với tổng số tiền trong các lần cầm xe là 1.050.000.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và mang tính chất phạm nhiều tội với giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn.

[2.2] Theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như sau: *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 500.000.000đồng trở lên thì bị xử phạt từ 12 năm tù đến 20 năm tù hoặc tù chung thân.*

Theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức” và đối với tội “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật” như sau: *Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm, trong các trường hợp: ... b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác ...*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 3 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 3 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thực hiện hành vi trái pháp luật. Tổng cộng 19 năm tù là thỏa đáng, trong đó có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nại rằng quá trình kháng cáo, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả nộp thêm số tiền 200.000.000đồng cho người bị hại và phía người bị hại cũng có giấy xác nhận có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 21/4/2023 về sự việc nêu trên. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà pháp luật quy định, được phát sinh tại cấp phúc thẩm, do đó có cơ sở

chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2.3] Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, việc không xác định 4 người chủ xe ô tô với tư cách người bị hại là thiếu sót, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tuy nhiên, vấn đề trên hiện Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm vẫn đang tiếp tục thụ lý giải quyết theo luật định, do đó cấp phúc thẩm không cần thiết hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

[3] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] *Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355 Bộ Luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2/ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.3/ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.4/ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt chung cho ba tội là 18 năm tù. Thời hạn tù được tính từ 28/6/2022.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- VKSND tỉnh Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre (2).
- Công an tỉnh Bến Tre.
- Trại TG Công an tỉnh Bến Tre (2).
- Cục THADS tỉnh Bến Tre.
- Những người tham gia tố tụng.
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre.
- Lưu VP; HS vụ án, TK: NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN